

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 5 – NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.
- Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của truyện cười
- Năng lực nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu cho HS xem hình ảnh một số tác phẩm truyện cười nổi tiếng
- GV đặt câu hỏi cho HS: *Theo em, một câu chuyện có yếu tố gây cười thường có đặc điểm gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời sau khi xem xong tranh, ảnh

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: Cuộc sống không thể thiếu tiếng cười. Có tiếng cười cuộc sống sẽ vui vẻ, hạnh phúc hơn. Và chủ đề hôm nay chúng ta học cũng liên quan tới tiếng cười và đó là Những câu chuyện hài

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chủ đề *Những câu chuyện hài* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gợi dẫn HS vào bài học bằng tổ chức cho HS thi nhau kể tên những vở hài kịch, những câu chuyện cười học sinh đã nghe, đã xem, đã đọc. - GV đặt câu hỏi thêm cho HS: <i>“Theo em, những vở hài kịch, những câu chuyện cười mang lại điều gì cho người đọc?”</i> - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân về việc tìm hiểu truyện cười <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời, chia sẻ các câu hỏi gợi mở của GV. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thi nhau kể về các tác phẩm đã nghe, đã đọc 	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 5: Cuộc sống không thể thiếu tiếng cười. Có tiếng cười vui sướng khoái, có tiếng cười đầy sức mạnh, có thể góp phần loại bỏ những cái xấu trong đời sống. Điều gì làm chúng ta cười? Con người đã dùng những cách thức, những loại hình nghệ thuật nào để tạo nên tiếng cười trước những thói tật của chính mình? Em sẽ tìm thấy một phần câu trả lời qua bài học này <p>Ở bài học trước, em đã làm quen với những biểu hiện của tiếng cười qua thơ trào phúng Đường luật. Trong bài học này, em tiếp</p>

<p>- GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.</p> <p>- Đối với câu hỏi lớn, GV không chốt đáp án đúng sai, cũng như không đưa ra kết luận cuối cùng, những ý kiến của HS sẽ được lưu lại và tiếp tục tìm tòi, khám phá suốt các nội dung bài học.</p> <p>- GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.</p>	<p>tục khám phá những cách thức tạo ra tiếng cười ở các văn bản thuộc thể loại hài kịch và truyện cười. Những bài ca dao trào phúng kết nối với chủ đề bài học sẽ cho em hiểu rõ hơn ý nghĩa phong phú và biểu hiện đa dạng của tiếng cười trong văn học.</p>
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được một số yếu tố của hài kịch và truyện cười, nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiểu văn nghị luận xã hội</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về hài kịch và truyện cười</p>	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>1. Hài kịch</p> <p>- Hài Kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực và cái tốt đẹp,</p>

<p>+ <i>Hài kịch là:</i></p> <p>+ <i>Truyện cười là...</i></p> <p>- GV cho HS đọc to thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 100), sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS:</p> <p>+ <i>Đặc điểm của xung đột trong các tác phẩm hài kịch là gì?</i></p> <p>+ <i>Hài kịch sử dụng các thủ pháp trào phúng nhằm mục đích gì?</i></p> <p>+ <i>Các yếu tố chính trong những tác phẩm truyện cười là gì?</i></p> <p>+ <i>Truyện cười có phải là truyện dân gian không?</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.</p> <p>- HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bên trong với cái bên ngoài. Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười. Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ... Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại....</p> <p>2. Truyện cười</p> <p>• Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí</p> <p>Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có</p>
--	---

<p><u>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về câu hỏi tu từ</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 100) về liên kết trong văn bản, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về khái niệm, tác dụng của câu hỏi tu từ</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS ghi chép</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><u>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 100) về liên kết trong văn bản, sau đó GV</p>	<p>yếu tố gây cười, tình huống trở trêu, những nghịch lý trong đời sống.... Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cuối thường là đối tượng bị chế giễu</p> <p>Ngôn ngữ truyện cười dân dã, nhiều ẩn ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết. <p>3. Câu hỏi tu từ</p> <p>a/ Khái niệm:</p> <p>- Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...</p> <p>b/ Tác dụng</p> <p>Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.</p>
---	---

<p>yêu cầu HS ghi chép những ý chính về khái niệm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS ghi chép <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
 - + Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.
 - + Soạn bài: ***Trưởng giả học làm sang***

TIẾT...: VĂN BẢN 1. TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG

(Mô – li – e)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- Học sinh phân tích được nét tương phản trong hành động của ông Giuoc đanh và các nhân vật

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Trưởng giả học làm sang*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhân vật ông Giuốc-đanh
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh liên quan tới các nhân vật trong văn bản
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Trưởng giả học làm sang*

b. Nội dung: Phương pháp đàm – thoại

- **GV đặt câu hỏi:** Các em đã được xem hài kịch bao giờ chưa? Cảm nhận của em khi xem hài kịch?

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu câu hỏi lên màn hình

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình khi xem hài kịch

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Trưởng giả học làm sang*”
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Trưởng giả học làm sang*
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc phân vai các nhân vật trong văn bản <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia phân vai đọc bài <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu tìm hiểu về tác giả, 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin - Quê quán: Nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác <ul style="list-style-type: none"> + Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu + Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở” + Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng” <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670). - Đoạn trích là toàn bộ lớp 5 kết thúc

<p>tác phẩm, yêu cầu:</p> <p>Em hãy tìm và ghi lại 3 thông tin về tác giả Mo-li-e và hoàn thành các nội dung trong phần tác phẩm Trưởng giả học làm sang Hồi thứ hai</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc văn bản và hoàn thành phiếu học tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS tham gia phân vai đọc bài</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>hồi 2</p> <p>b. Thể loại: Kịch</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>d. Bố cục</p> <p>- Phần 1 (Từ đầu đến ...<i>theo cách thức mặc cho các nhà quý phái</i>): Ông Giuốc-đanh và phó may</p> <p>- Còn lại: Ông Giuốc-đanh và 4 chú thợ phụ.</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- Học sinh phân tích được nét tương phản trong hành động của ông Giuoc đanh và các nhân vật

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Trưởng giả học làm sang

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Trưởng giả học làm sang*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1:	II. Tìm hiểu chi tiết
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ	1. Cảnh 1: ông Giuốc- đanh và phó

<p>học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: + Nhóm 1: <i>Cảnh 1 gồm mấy nhân vật?</i> + Nhóm 2: <i>Đối thoại xoay quanh nội dung gì?</i> + Nhóm 3: <i>Chi tiết nào gây cười liên quan tới bộ lễ phục.?</i> + Nhóm 4: <i>Em có nhận xét như thế nào về đoạn kịch này?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. 	<p>may.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại phòng khách nhà ông Giuốc-đanh bác phó may mang bộ lễ phục đến - Có 4 nhân vật : ông Giuốc đanh , bác phó may , tay thợ phụ,gia nhân của giuốc đanh. - Đối thoại chính: ông Giuốc- đanh và phó may. - Chuyện xoay bộ trang phục mới của ông Giuốc - đanh (bộ lễ phục, đôi bít tất, giày, bộ tóc giả và lông đính mũ...)Chủ yếu là bộ lễ phục. - Chiếc áo ngược hoa. Có thể do sơ xuất cũng có thể là cố tình mà phó may đã may chiếc áo hoa ngược khiến Giuốc – đanh thành trò cười. - Ông Giuốc-đanh chưa phải mất hết tinh tảo, vẫn nhận ra chiếc áo ngược hoa. - Phó may vụng chèo khéo chống bịa ra lí lẽ thuyết phục khiến ông Giuốc-đanh hài lòng. - Giuốc đanh phát hiện phó may ăn bớt vải. Phó may lảng sang chuyện khác→ nhắc Giuốc đanh mặc thử áo, đánh vào tâm lí. <p>=> Đoạn kịch có kịch tính cao Phó may đang ở thế bị động sang chủ động, tiếp đến ông Giuốc đanh phát</p>
---	--

<p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: + <i>Bằng việc cho tiền tốp thợ phụ sau mỗi lời tăng bốc, em nhận xét như thế nào về mức độ trưởng giả của ông Giuốc- đanh?</i> + <i>Tìm những chi tiết tạo tính hài kịch trên sân khấu qua 2 cảnh kịch?</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. 	<p>hiện ra phó may ăn bớt vải chuyển sang chủ động</p> <p>→ phó may chống trả yếu ớt. Nhưng ông ta đã đảo ngược tình huống bằng một nước cờ cao tay đánh vào tâm lý trưởng giả học làm sang của ông Giuốc- đanh.</p> <p>=> Ông Giuốc đanh dốt nát dễ bị mắc lừa mà vẫn tưởng mình “sang”.</p> <p>2. Cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tốp thợ phụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả chuyển cảnh hết sức tự nhiên và khéo léo bằng việc ông Giuốc - đanh mặc lễ phục xong là được tốp thợ phụ tôn xưng → khiến ông ta tưởng mặc lễ phục vào là thành quý phái. - Chúng nắm được điểm yếu để nhỉnh hót, tăng bốc → moi tiền. - Phép tăng tiền trong lời tăng bốc → Sự học đòi làm sang càng ngày càng mãnh liệt (sẵn sàng cho hết tiền để được sang hão) <p>=> Ông Giuốc- đanh, thích học đòi, mua danh hão mâu thuẫn với sự dốt nát, bị người khác lợi dụng, kiêu chác</p> <p>=> Cười h/ả Giuốc đanh mặc lễ phục thật hài trên sân khấu.</p> <p>3. Nhân vật hài kịch bất hủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khán giả cười sự ngu dốt khiến phó
---	---

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>may lợi dụng kiểm chác(tắt chặt, giày chặt, ăn bớt vải ...)</p> <p>- Cười ông ngớ ngẩn mặc áo ngược hoa mà tưởng mình sang trong quý phái , cười ông ta bỏ tiền để mua danh hão.</p> <p>- Nhất là cảnh 4 tay thợ phụ lột quần áo ông Giuốc- đánh mặc cho ông ta bộ lễ phục ngược hoa lố lằng, sắc sỡ mà ông ta vẫn vênh váo tưởng mình quý phái làm cho khán giả cười vỡ rập.</p> <p>III/ Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Khắc họa tính cách lố lằng của nhân vật thông qua lời nói, hành động</p> <p>- Dựng lên lớp mâu thuẫn hài kịch sinh động, hấp dẫn</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Văn bản khắc họa tính cách lố lằng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả.</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Trưởng giả học làm sang*
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Trưởng giả học làm sang* để hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Mô-li-e là nhà văn nước nào ?

A. Nga

B. Mĩ

C. Đức

D. Pháp

Câu 2: Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.

B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.

C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.

D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

Câu 3: Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?

A. Màu đen C. Trang nhã, rẻ tiền

B. Hoa ngược D. Gồm ý A và B

Câu 4: Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

B. Dốt nát, kém hiểu biết.

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hải hươc và hóm hỉnh.

Câu 5: Bác phó may đã làm gì để lợi dụng tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh ?

A. Giải thích cho ông Giuốc-đanh biết rằng việc may áo ngược hoa là phù hợp với kiểu cách của người quý phái.

B. May thêm một chiếc áo cho riêng mình bằng chính tấm vải ông Giuốc-đanh đặt để may bộ lễ phục.

C. Đem theo những người thợ phụ giúp ông Giuốc đanh mặc theo cách thức của những người quý phái để moi tiền của ông ta.

D. Gồm cả A, B và C.

Câu 6: Mục đích của nhà văn khi khắc hoạ các động tác “ cời áo, mặc áo, chân bước, miệng nói” cả ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của điệu nhạc ?

A. Khắc hoạ sinh động hơn thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh và tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

B. Tạo không khí vui nhộn, sinh động cho cảnh mới nhằm thu hút sự chú ý của khán giả.

C. Chế giễu sự kém hiểu biết và quē kệch của ông Giuốc đanh.

D. Diễn tả cụ thể những động tác, cử chỉ nực cười của ông Giuốc đanh.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm	0 điểm Các thành viên	1 điểm Hoạt động tương đối	2 điểm Hoạt động gắn kết

(2 điểm)	chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

*** Bài làm tham khảo:**

Viết kết nối đọc

Chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên là đoạn có kịch tính cao. Bác phó may đang ở thế bị động (bị Giuốc-đanh phát hiện là may ngược hoa), đột ngột chuyển sang thế chủ động, tấn công đối phương bằng hai đề nghị liên tiếp: Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà và Xin ngài cứ việc bảo. Thế là Giuốc-đanh sợ, cứ lùi mãi. Lão ta sợ là phải vì nếu bác phó nổi cơn tự ái may hoa lại cho đúng hướng thì còn gì là quý tộc nữa? Cho nên lão vội hỏi bác phó may rằng liệu bộ lễ phục lão mặc có vừa vặn không. Điều đáng buồn cười thứ nhất là lễ phục của giai cấp quý tộc châu Âu trước kia thường được may bằng loại vải tốt, đắt tiền, màu đen. Còn bác phó lại may lễ phục cho Giuốc-đanh bằng vải hoa, thứ vải chỉ để dùng may váy áo cho phụ nữ hoặc trẻ con. Điều đáng buồn cười thứ hai là vải hoa thì đương nhiên phải may bông hoa hướng lên trên, nhưng bác phó chẳng biết là do vụng hay do cố tình biến Giuốc-đanh thành trò cười cho thiên hạ nên đã may hoa chúc xuống phía dưới. Giuốc-đanh phát hiện ra điều đó nhưng chỉ cần bác phó may bịa ra chuyện những người quý phải đều mặc như thế này cả là lão chấp nhận ngay. Sau đó, Giuốc-đanh tiếp tục phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình khi may bộ lễ phục trước nên lấy lại thế chủ động và trách bác ta. Bác phó may chống đỡ khéo léo: Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc và gỡ thế bí bằng cách hỏi Giuốc-đanh có muốn mặc thử

bộ lễ phục mới không. Bác phó may tinh quái lấu linh đã đánh trúng tâm lí Giuốc-đanh đang nôn nóng muốn thành “quý tộc” để phớt lờ chuyện ăn bớt vải của mình.

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÂU HỎI TU TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận biết được câu hỏi tu từ
- Học sinh chỉ ra và nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong sáng tác văn học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực chỉ ra được câu hỏi tu từ
- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học
- b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu lên bảng 2 câu hỏi, sau đó đặt câu hỏi phát vấn “Theo em hai câu hỏi trên có điểm gì giống và khác nhau?”

Câu hỏi:

- + Mẹ có phải người quan trọng nhất trong cuộc đời mỗi người không?
- + Chúng ta sinh ra làm sao có thể thiếu mẹ được?
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết câu hỏi tu từ

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, cách nhận biết câu hỏi tu từ và tác dụng của nó.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>1. Nhận biết câu hỏi tu từ</p> <p>a/ Phân tích ví dụ</p> <p>a. – Có đi xem phim với tớ không</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cậu không thấy tớ còn nhiều bài tập thể này à? <p>Câu thứ nhất là câu có mục đích hỏi.</p> <p>Câu thứ hai có hình thức là câu hỏi nhưng lại biểu thị sự từ chối (không đi xem phim được). Vậy câu thứ hai là câu hỏi tu từ.</p> <p>b. Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:</p> <p>“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vàng trắng bạc”</p> <p>Con hỏi: “Nhưng làm sao mình lên đó được?”</p> <p>Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhắc bổng lên tận tầng mây</p> <p>“Mẹ mình đang đợi ở nhà” con bảo</p> <p>“Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”</p> <p>(Ta-go, Mây và sóng)</p> <p>Câu “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?” là câu có mục đích hỏi. Câu "Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?" dùng hình thức câu hỏi nhưng là để khẳng định (không thể đi chơi ở</p>

	<p>những nơi kì thú. xa xôi). Vậy câu “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” là câu hỏi tu từ.</p> <p>b/ Hình thành khái niệm</p> <p>- Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...</p> <p>2. Tác dụng của câu hỏi tu từ</p> <p>Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 107 - 108

c. Sản phẩm học tập: Phân trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 107 -108

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành phiếu học tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng câu hỏi tu từ

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP



Thực hành Tiếng Việt: Câu hỏi tu từ

TÊN NHÓM:.....LỚP:.....

Gạch chân câu hỏi tu từ được sử dụng trong các câu sau và nêu tác dụng của chúng

a/ Nhưng ta trách gì Xuân Diệu ? Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thầy chúng ta.
(Hoài Thanh)

.....
.....
.....



b/ Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?
(Chế Lan Viên)

.....
.....
.....



c/ Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu ?
(Xuân Quỳnh)

.....
.....
.....



*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	1 - 3 điểm	4 – 5 điểm	6 điểm

(6 điểm)	Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Đáp án bài tập**

Câu hỏi 1. Chỉ ra các câu hỏi tu từ trong đoạn trích vở kịch Trưởng giả học làm sang. Giải thích vì sao đó là những câu hỏi tu từ.

Trả lời:

Các câu hỏi tu từ: Đâu có là thế nào? Thế này là thế nào? Lại còn phải bảo cái đó à? Những người quý phái mặc ngược hoa à? Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không? Thế nào?

Những câu trên là câu hỏi tu từ bởi:

- Có đầy đủ hình thức của một câu nghi vấn và luôn có dấu chấm hỏi để kết thúc một câu

- Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm khẳng định, hoặc nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa nào đó mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt đến người khác
- Thông tin được truyền đạt phải dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với người đọc, người nghe
- Thông tin luôn mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó
- Được dùng theo cách nói ẩn dụ, nhằm thể hiện sắc thái biểu đạt
- Có thể mang hàm ý phủ định với nội dung được người nói, người viết nhắc đến trong câu

Câu hỏi 2. Hãy viết lại các câu hỏi tu từ em tìm được ở bài tập 1 thành câu kể (kết thúc bằng dấu chấm) sao cho vẫn giữ được ý nghĩa thông báo của câu. So sánh hiệu quả của câu hỏi tu từ và hiệu quả của câu kể.

Trả lời

Đâu có thể.

Thế à.

Bảo nữa à.

Những người quý phái mặc ngược hoa.

Tôi mặc sát như này bác xem đi.

Hiệu quả của câu hỏi tu từ sang câu kể; làm mất đi ý nghĩa của câu.

Câu hỏi 3. Chuyển đổi các câu sau đây sang hình thức câu hỏi tu từ:

a. - Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy.

b. - Hãy thông thả, chú mình.

(Mô-i-e, Trưởng giả học làm sang)

Trả lời:

a. Tôi không biết làm sao có thể đến sớm được đây, tôi có thể cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài?

b. Chú mình có thể đi thông thả được không?

Câu hỏi 4. Những câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi trong đoạn văn dưới đây có phải câu hỏi tu từ không? Vì sao?

Ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rức nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiền nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đây là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

(Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)

Trả lời:

Có bởi câu hỏi tu từ dùng trong văn học nhằm tăng sức biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa cho câu văn.

Câu hỏi 5. Hãy đặt câu hỏi tu từ cho từng tình huống sau đây:

- Bày tỏ cảm xúc khi được nhận một món quà từ người thân.
- Bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật trong tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc.

Trả lời:

- Món quà này thật là quý giá, chắc mẹ mua khó lắm đúng không?
- Phải chăng, nếu Thị Nở đồng ý cưới Chí Phèo thì hẳn có vẻ sẽ không rơi vào kết cục như thế?

TIẾT...: VĂN BẢN: CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống truyện
- HS nhận biết và phân tích được tính cách nhân vật trong truyện
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hình ảnh các nhân vật chính trong truyện
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh trong SGK
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam*

b. Nội dung: GV chiếu video về một câu chuyện cười (link <https://youtu.be/yoMQieBJVb8>)

GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy nêu tên những câu chuyện cười khác mà em biết.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video trên màn hình

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Học sinh nắm được các nội dung, thông tin trong các văn bản truyện cười
- Nội dung:** HS sử dụng SGK đọc to, giỡng dạc văn bản
- Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc các văn bản trong Chùm truyện cười dân gian Việt Nam - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc theo nhóm 3 <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>I/ Tìm hiểu chung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thể loại: truyện cười

nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống truyện
- HS nhận biết và phân tích được tính cách nhân vật trong truyện
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Chùm truyện cười dân gian Việt Nam

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tình huống truyện</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1/ Lợn cưới, áo mới</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>2. Treo biển</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table>	Tình huống truyện		1/ Lợn cưới, áo mới		2. Treo biển		<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Lợn cưới áo mới</p> <p>- Truyện có hai nhân vật: anh có lợn cưới và anh có áo mới.</p> <p>a. Những của được đem khoe:</p> <p>- Một cái áo mới may.</p> <p>- Một con lợn để cưới.</p> <p>→ Những cái rất bình thường.</p> <p>→ Đáng cười, lỗ bịch.</p> <p>→ Chế giễu tính khoe khoang, nhất là khoe của.</p> <p>b. Cách khoe của:</p> <p>* Anh lợn cưới:</p> <p>- Đang tát tưới chạy tìm lợn xổng</p> <p>- Hỏi to: Bác có thấy con lợn cưới</p>
Tình huống truyện							
1/ Lợn cưới, áo mới							
2. Treo biển							

<p>3.Nói dúc gặp nhau</p>	<p>.....</p>	<p>của tôi chạy qua đây không? → Hỏi to, nhấn mạnh từ “cười”. → Lẽ ra phải hỏi “anh có thấy con lợn đen (hoặc trắng, lang) của tôi chạy qua đây không? - Mục đích: Khoe lợn, khoe của. * Anh áo mới: + Đứng hóng ở cửa để đợi người ta khen. + Kiên trì đứng đợi từ sáng đến chiều. + Giơ vạt áo, bảo: "Từ lúc tôi..." → Điều bộ lông bạch, tức cười; thừa hẳn một vế. → Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. *Tổng kết: a. Nghệ thuật: Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật. b. Nội dung: Chế giễu phê phán những người có tính hay khoe của. 2. Treo biển a. Kiểu văn bản: Tự sự b. Bố cục : 2 phần - P1:Câu 1 "Ở đây có bán cá tươi"(Treo biển quảng cáo). - P2:Còn lại: Những góp ý về cái</p>
-------------------------------	------------------------	---

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân
- GV đặt câu hỏi: Biển treo thông báo mấy nội dung, đó là nội dung gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

biển và sự tiếp thu của nhà hàng

c- Phân tích :

1. Treo biển quảng cáo:

- "Ở đây có bán cá tươi"
- Biển có 4 yếu tố, thông báo 4 nội dung.

+ "ở đây": Thông báo địa điểm của cửa hàng.

+ "có bán": Thông báo hoạt động.

+ "cá": Thông báo mặt hàng bán.

+ "tươi": Thông báo chất lượng hàng

→ Biển ghi hợp lí, các thông tin đầy đủ, chính xác, không cần thêm bớt chữ nào.

2. Những góp ý về cái biển:

- Có 4 người góp ý về cái biển.

+ Lần 1: người qua đường: thừa chữ tươi.

+ lần 2: khách góp ý: bỏ "ở đây".

+ Lần 3: khách góp ý: bỏ "có bán".

+ Lần 4: người láng giềng: bỏ chữ cá.

→ Các ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và ngụy biện.

→ Tình huống cực đoan, vô lí và cách giải quyết một chiều.

→ Gây cười ở sự thống nhất giữa các ý kiến với nhau là cùng chê bai sự dài dòng của tấm biển, gây cười ở chỗ sự chiều khách, lắng nghe và

nhất nhất làm theo mọi lời khuyên, không cần suy nghĩ của nhà hàng.

3. Sự tiếp thu của nhà hàng:

- Mỗi lần nghe góp ý nhà hàng làm theo ngay không cần suy nghĩ.

- Cái biển được cất đi.

→ Cái ngược đời phi lí, trái tự nhiên làm tiếng cười bật ra.

***Tổng kết:**

a. Nghệ thuật: Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật.

b. Nội dung: Phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe ý kiến người khác; chế diễu phê phán những người có tính hay khoe của.

3. Nói dóc gặp nhau

- Tóm tắt: Truyện kể về một anh chàng nọ đi làm ăn xa lâu ngày trở về làng. Khi được mọi người hỏi chuyện ở phương xa, anh ta đã nói dóc về một chiếc ghe dài đến nỗi một thanh niên hai mươi tuổi đi bộ đến chết vẫn chưa tới buồng lái. Có một anh nói dóc khác ở làng thấy vậy liền kể chuyện về một cái cây đa. Từ đó lộ ra chuyện không có chiếc ghe nào dài như chiếc ghe kia.

	<p>- Điểm khác thường trong lời nói của các nhân vật: Ở lời nói của hai nhân vật trong truyện <i>Nói dóc gặp nhau</i>, sự khác thường ở chỗ những điều họ nói đều viển vông không có khả năng xảy ra trong thực tế.</p> <p>- Chi tiết tạo ra sự bất ngờ cho câu chuyện là lời đáp của anh chàng thứ 2: “Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh?”</p> <p>* Nội dung: Phê phán thói hư tật xấu của con người đặc biệt là thói nói dối, nói dóc</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chùm truyện cười dân gian Việt Nam*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười trên.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Chùm truyện cười dân gian Việt Nam, lựa chọn một câu chuyện, phân vai đóng kịch

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn

	hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

TIẾT...: VĂN BẢN . CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được một số yếu tố trong ca dao trào phúng (đối tượng, chủ đề, thông điệp,...)

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về chủ đề của văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Có nhận thức đúng đắn về hành động, tránh những việc làm lố lẫm, không chuẩn mực đạo đức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chùm ca dao trào phúng*

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Nhanh như chớp”, chủ đề: EM AM HIỂU CA DAO VIỆT NAM để học sinh thể hiện sự hiểu biết của mình về ca dao Việt Nam

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi:
- + Chia lớp thành 4 đội
- + Luật chơi: Mỗi đội chơi sẽ bắt đầu đọc một câu ca dao Việt Nam (chủ đề tự do)
Đến lượt đội nào không có câu trả lời sẽ bị mất điểm
- + Tổng kết trò chơi: đội nào đọc được nhiều câu ca dao nhất giành chiến thắng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV để từng đội chơi đọc ca dao

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được cách đọc ca dao trào phúng

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc diễn cảm những bài ca dao thuộc văn bản Chùm ca dao trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Bài đọc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc các bài ca dao trong SGK trang 111 – 112 <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày đặc điểm của những bài ca dao trào phúng đã đọc <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Thể loại: ca dao trào phúng</p> <p>2. Chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng cười phê phán, châm biếm những thói hư tật xấu của người bình dân.

nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được một số yếu tố trong ca dao trào phúng (đối tượng, chủ đề, thông điệp,...)

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Bài 1</p> <p>“Chập chập rồi lại cheng cheng.... Đơm mà vơi đĩa thì thầy không ưa”</p> <p>- Bài ca dao trên chính là những lời nói châm biếm, mỉa mai đối với những người thầy bói giởm, hành nghề mê tín.</p> <p>- Mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và " hư ảo " qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập " , " cheng cheng ". - Những lời nói và ý nghĩ xấu xa , muốn chuộc lợi của thầy bói thể hiện ở ba câu ca dao tiếp theo.</p> <p>- Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mạng</p>

nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói.

=> Qua đây, ta thấy rõ sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên.

2. Bài 2

“Con mèo mà trèo cây cau
.....giỡ cha con mèo”

Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguy trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa.

- Hai nhân vật cũng được xác định rõ và nhắc đi nhắc lại trong bài ca dao, với từ xưng hô phân biệt: *chú chuột* và *con mèo*.

- Cách dùng từ “hỏi thăm”, “chú chuột” nói lên sự dối trá, tinh quái của mèo. Nhưng chú chuột tinh khôn, láu lỉnh không dễ bị đánh lừa, lại nói kháy mèo cho bở ghét, cho hả giận.

- “Đi chợ đàng xa”, nghĩa là chuột muốn nói với mèo rằng mình đã cao chạy xa bay rồi, không tóm được đâu.

3. Bài 3

* Lời dẫn cưới của chàng trai:

- Sử dụng biện pháp liệt kê, chàng trai đưa ra một loạt vật dẫn cưới: voi, trâu bò, chuột béo.

- Lời nói khoa trương, cường điệu, phóng đại: Chàng trai định dẫn cưới bằng những lễ vật rất có giá trị.

→ Chàng trai đang tưởng tượng về một lễ cưới linh đình, sang trọng. Đó là ước mơ của những chàng trai thôn quê về một ngày vu quy sung túc.

Cách nói giảm dần từ voi – trâu – bò và cuối cùng dừng lại ở con chuột béo: Tái hiện lại hành trình từ tưởng tượng đến trở về với hiện thực của chàng trai.

Thủ pháp tương phản đối lập được sử dụng tài tình, khéo léo để nói về hiện thực: Dẫn voi – quốc cấm, dẫn trâu – máu hàn, dẫn bò – co gân.

→ Lời giải thích hợp tình hợp lý, chính đáng vì lí do chấp hành pháp luật, lo cho sức khỏe họ hàng hai bên chứ không phải vì chàng trai không có.

→ Cách nói thể hiện sự hài hước, dí dỏm, đáng yêu, thông minh của chàng trai.

Chi tiết hài hước: “Miễn là có thú bốn

	<p>chân/dẫn con chuột béo mời dân mời làng”:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thú bốn chân gọi ra hình ảnh những con vật to lớn, có giá trị. + Con chuột béo: Loài vật nhỏ bé, có hại và bị người nông dân ghét bỏ. + Sự bất thường của chi tiết: Xưa nay chưa từng thấy ai mang chuột đi hỏi vợ và cũng không thể có một con chuột nào to lớn để có thể mời dân mời làng. <p>→ Chi tiết hài hước vừa đem lại tiếng cười sảng khoái, vừa thể hiện sự vui tươi, hóm hỉnh của chàng trai, một tâm hồn lạc quan, phóng khoáng, yêu đời.</p> <p>* Lời thách cưới của cô gái</p> <p>- Thái độ của cô gái:</p> <p>Trước lời dẫn cưới của chàng trai cô gái “lấy làm sang” → Đây là cô gái dí dỏm, vui tươi không kém bạn đời.</p> <p>Lời nói “Nỡ nào em lại phá ngang” → Ý nhị, khiêm tốn, thông cảm với hoàn cảnh của chàng trai.</p> <p>Thủ pháp tương phản đối lập: người ta – nhà em, lợn gà – nhà khoai lang → Sự độc đáo, bất thường trong lời thách cưới bởi những lễ vật ấy bình dị đến mức tầm thường. Chính điều này đã tạo nên tiếng cười đùa vui, hóm</p>
--	--

	<p>hình.</p> <p>- Lời giải thích của cô gái về yêu cầu của mình:</p> <p>Cách nói giảm dần: To – nhỏ - mê – rím – hà → Cô gái sẵn sàng đón nhận những lễ vật tầm thường, không cần lựa chọn, sắp xếp gì.</p> <p>Lễ vật được cô chia phần, sắp xếp hợp lí: Mời làng, mời họ, con trẻ, lợn gà → Cô gái là người phụ nữ đảm đang, tháo vát, khéo léo, sống có trước có sau, coi trọng tình nghĩa.</p> <p>→ Thông qua lời thách cưới và dẫn cưới bất bình thường của chàng trai và cô gái đã cho thấy tâm hồn lạc quan, yêu đời, hài hước của những chàng trai, cô gái thôn quê trong cảnh nghèo khó. Chàng trai tự ý thức được cái nghèo của mình mà tự trào, tự cười cợt, cô gái thấu hiểu cảnh ngộ của hai gia đình mà vui vẻ đón nhận vì cô là người coi trọng tình nghĩa hơn của cải.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Sử dụng thể thơ lục bát, nhịp linh hoạt</p> <p>- Chi tiết gây cười độc đáo</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Chùm ca dao trào phúng phê phán,</p>
--	---

	châm biếm những thói hư, tật xấu, những hủ tục của con người
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chùm ca dao trào phúng*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ:

Lập bảng so sánh điểm giống và khác nhau về nội dung của từng bài ca dao trong văn bản “Chùm ca dao trào phúng”

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, sưu tầm thêm một số bài ca dao khác cùng chủ đề ca dao trào phúng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để sưu tầm thêm một số bài ca dao khác cùng chủ đề ca dao trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể thơ, nội dung, nghệ thuật của văn bản
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:



Phiếu thảo luận

Chùm ca dao trào phúng

Tên nhóm:.....

Bài ca dao 1 Nội dung chính	Bài ca dao phê phán loại người nào trong xã hội? Chi tiết nào em cho là gây cười?
--------------------------------	--

Nhận xét của nhóm bạn





Phiếu thảo luận

Chùm ca dao trào phúng

Tên nhóm:.....

Bài ca dao 2 Nội dung chính	Bài ca dao phê phán loại người nào trong xã hội? Chi tiết nào em cho là gây cười?
--------------------------------	--

Nhận xét của nhóm bạn





Phiếu thảo luận

Chùm ca dao trào phúng

Tên nhóm:.....

Bài ca dao 3 Nội dung chính	Em có nhận xét gì về tính cách của chàng trai? Em có nhận xét gì về tính cách của cô gái?
--------------------------------	--

Nhận xét của nhóm bạn



* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN CỦA CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- Học sinh chỉ ra và giải thích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực chỉ ra được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu lên bảng 2 câu hỏi, sau đó đặt câu hỏi phát vấn “Theo em “tường minh” là gì? “hàm ẩn” là gì?”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học	Nhận biết nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu <i>1/ Khái niệm</i> - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra

<p>tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.</p> <p>2. Ví dụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn). • Có những nghĩa hàm ẩn tùy thuộc ngữ cảnh. <p>Ví dụ:</p> <p>Ngày mai tôi đi Hà Nội.</p> <p>Có thể hiểu là: “Ngày mai tôi không gặp mặt với nhóm được”, nhưng cũng có thể hiểu: “Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho Những nghĩa này tùy thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).</p> <p>Có những nghĩa hàm ẩn không tùy thuộc vào ngữ cảnh.</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nó lại đi Đà Lạt. <p>Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt, và nhớ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ</p>
---	---

	<p>nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chủ không tùy thuộc vào ngữ cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghĩa hàm ẩn giúp chuyển tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn. <p>Ví dụ:</p> <p>Chuột chù chê khi răng hôi</p> <p>Khi mới trả lời: Cả họ may thơm.</p> <p>(Ca dao)</p> <p>Chuột chù và khi đầu là các loài có mùi hôi. Nhưng chuột chù lại cho khi trong khi chính mình cùng hôi. Nghĩa tường minh trong câu trả lời của khi là lời khen, nghĩa hàm ẩn thể hiện sự mỉa mai chuột chù. Câu ca dao có hàm ý phê phán những người không tự biết cái xấu của mình mà còn đi chê bai người khác.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 113
- Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 113

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành phiếu học tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng câu hỏi tu từ

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

Phiếu học tập

NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN CỦA CÂU

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nghĩa tường minh là gì?

Nghĩa hàm ẩn là gì?

Ví dụ về nghĩa tường minh

Ví dụ về nghĩa hàm ẩn

PHIẾU HỌC TẬP

NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN TRONG CÂU

Tên:.....Lớp:.....

1. Đọc các đoạn trích sau và cho biết những câu in đậm có phải là câu chứa nghĩa hàm ẩn không? Vì sao? Xác định hàm ẩn của câu (nếu có).

a) Một lúc lâu ông mới rặn ẹ ẹ, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:
 - Liệu có thật kìa? Hả bác? Hay là chỉ lại...
 - Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Viết gần từ thẳng chủ tịch mà đi cơ ông ạ.
 (Kim Lân)

b) Dế khới vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:
 - Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa!
 (Nguyễn Thành Long)

2. Xác định nghĩa tường minh và hàm ý trong những câu ca dao sau. Vì sao em hiểu được hàm ý đó?

Bao giờ chạch đẻ ngon đa,
 Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

* Phụ lục:

Rubric đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn

	hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

*** Đáp án bài tập**

Câu hỏi 1. Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện ở bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu "*Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo*" là gì?

Trả lời:

"Đi chợ đường xa", nghĩa là chuột muốn nói với mèo rằng mình đã cao chạy xa bay rồi, không tóm được đâu! Mua mắm mua muối là để muối mắm lã mèo chẳng? Mèo tinh ranh nhưng chuột còn tinh ranh hơn. Ở đây, chuột đã biết dùng "gậy ông đập lưng ông", lấy ngay chuyện hỏi thăm của mèo để chửi mèo!

Câu hỏi 2. Theo em, qua câu ca dao “Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỗ muối ba nong quýt đầy...”, anh học trò thực sự muốn nói điều gì?

Trả lời:

Anh học trò muốn nói nhà cô gái thách cưới cao mà điều kiện nhà anh học trò không đáp ứng được "ba chum mật ong", "mười thúng mỡ muối" là không có thật nhằm chế giễu, tạo sự hài hước của anh chàng học trò.

Câu hỏi 3. Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau:

a. Chập chập rồi lại chang chang

Con gà sống lớn để riêng cho thầy.

b. Ông Giuốc-đanh: - Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mắt rồi.

Phó may: - Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu.

Ông Giuốc-đanh: - Lại còn phải bảo cái đó à?

Phó may: - Vâng, phải bảo chứ. **Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.**

Trả lời:

a. phê phán những kẻ hành nghề mê tín dị đoan, lừa lọc người khác để kiếm tiền, đồng thời cũng phê phán những người ít hiểu biết, nhẹ dạ cả tin, tin vào những điều phản khoa học.

b. phê phán thói làm sang của ông Giuốc-đanh.

Câu hỏi 4. Xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ dưới đây:

a. Có tật giật mình.

b. Đời người có một gang tay

Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.

c. Cười người chớ vội cười lâu

Cười người hôm trước, hôm sau người Cười.

d. Lời nói gói vàng.

e. Lưỡi sắc hơn gươm.

Trả lời:

a. “Có tật giật mình” nghĩa là bản thân sẽ cảm thấy chột dạ khi có ai đó nói về mình vì mình đã từng làm điều sai trái.

b. Nói về sự hữu hạn của đời người khuyên chúng ta phải biết quý trọng thời gian.

c. Câu ca dao trên khuyên ta phải biết tôn trọng người khác. Ai cũng có điểm mạnh và điểm yếu cả, không được tự tin quá mức mà đi coi thường người khác. Nếu coi thường, khinh bỉ người khác thì khi ta rơi vào hoàn cảnh như họ ta sẽ bị người khác chê bai, khinh thường.

d. Câu tục ngữ “Lời nói gói vàng” là lời khuyên bổ ích, con người hãy rèn dũa lời nói cho đẹp đẽ, giá trị hăng nói ra, cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, cuộc sống hiện tại. Có thể, “gói vàng” mà lời nói đem lại sẽ là mối giao hảo đẹp đẽ, đáng quý, kính tế và giữ gìn hòa khí người với người.

e. Lời nói, mồm miệng độc địa, kẻ dùng lời nói mà làm hại người khác

TIẾT ...: VIẾT. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Nêu được và làm rõ được vấn đề nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại
- Trình bày được ý kiến phê phán, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở
- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của bản thân

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hình ảnh một số tệ nạn trong xã hội ngày nay
- GV đặt câu hỏi: *Sau khi quan sát những hình ảnh trên, em có suy nghĩ gì về ảnh hưởng của những tệ nạn đó đối với xã hội hiện nay?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Phân tích được bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK và hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời HS trình bày bài làm của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay</p> <p>Câu hỏi 1. Nêu vấn đề nghị luận</p> <p>Trả lời: Vấn đề học đòi của giới trẻ hiện nay.</p> <p>Câu hỏi 2. Làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>Trả lời:</p> <p>Giải thích khái niệm.</p> <p>Câu hỏi 3. Trình bày ý kiến phê phán.</p> <p>Trả lời: Học đòi là hiện tượng thường thấy trong giới trẻ hiện nay. Tuy không phải là điều gì quá tai hại, nhưng học đòi cũng mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của thanh thiếu niên.</p> <p>Câu hỏi 4. Đối thoại với ý kiến khác.</p> <p>Trả lời:</p> <p>Có thể có bạn cho rằng bắt chước người khác không phải là điều xấu. Bắt chước, làm theo người khác vốn là bản tính tự nhiên của con người. Từ khi là đứa trẻ cho đến khi trưởng</p>

	<p>thành, con người luôn có xu hướng bắt chước người khác. Học hỏi người khác cũng là một cách bắt chước. Tuy nhiên, khi bắt chước mà không suy nghĩ đến việc bản thân có phù hợp không, việc bắt chước có gây trò cười cho mọi người không, có gây hậu quả gì không,... thì sự bắt chước đó trở thành học đòi.</p> <p>Câu hỏi 5. Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.</p> <p>Trả lời: Phân kết của bài</p>
--	---

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

- a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <p>Em hãy suy ngẫm về chính mình và quan sát hành vi, lối sống của những người xung quanh hoặc tìm hiểu trên sách báo, phương tiện truyền thông để nhận ra những thói xấu của con người, từ đó chọn được vấn đề để bàn luận.</p> <p>Sau đây là một số đề tài gợi ý để em lựa chọn:</p> <p>- Sự tùy tiện khi tham gia giao thông của một số người dân.</p> <p>- Thói kiêu ngạo, thích chơi trội</p>

<p>nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt: <p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 HS đọc Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý). - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin về Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. <p><u>Nhiệm vụ 3:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: <i>Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.</i> 	<p>của một bộ phận thanh thiếu niên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôi lười nhác, hay than vãn - Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm - Thái độ ích kỉ. - Lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi <p>b. Tìm ý</p> <p>Sau khi xác định được vấn đề là gì, em hãy tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề được nêu ra là gì? - Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán? - Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục? - Liệu có ý kiến nào không đồng tình với ý kiến phê phán của mình không? <p>c/ Lập dàn ý</p> <p>Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài. Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại). - Thân bài. <ul style="list-style-type: none"> + Làm rõ vấn đề nghị luận. + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó.
--	---

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn. - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. <p>2. Viết bài</p> <p>Khi viết bài em cần chú ý</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ. <ul style="list-style-type: none"> - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nếu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có) – Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực <p>3. Chỉnh sửa bài viết</p> <p>Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề nghị luận được nêu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện. - Ý kiến phê phán được nêu một cách mạch lạc, chắc chắn, lí lẽ xác đáng và bằng chứng thuyết phục. - Ý kiến phê phán được khẳng định trên cơ sở đối sánh với các quan điểm khác về vấn đề
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

+ Soạn trước bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP
 VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THỜI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)
 Họ và tên: Lớp:
Hoàn thành những thông tin còn thiếu vào ô trống

Nêu vấn đề nghị luận	Làm rõ vấn đề nghị luận
Trình bày ý kiến phê phán	Đối thoại với ý kiến khác.
Những lưu ý khi viết bài	

- Bài làm tham khảo

Ích là lợi ích. Kỉ là bản thân. Ích kỉ suy cho cùng là thói sống không đẹp, khi mà con người ta đặt mọi quyền lợi cá nhân lên hàng đầu, không quan tâm đến hoàn cảnh của người khác, chỉ biết so sánh thiệt hơn để rồi thậm chí nảy sinh ra sự đố kị và tàn ác. Người ích kỉ thường suy tính và chỉ thật sự quan tâm đến những thứ đem lại những giá trị họ cần. Ngược lại, sự ích kỉ khiến họ có thái độ thờ ơ vô cảm với cuộc sống, với mọi người xung quanh, sống hẹp hòi, sống đa đoan, sống không có vị tha và đặc biệt họ coi lợi ích của mình là cốt lõi của mọi giá trị.

Đứng trước dòng chảy không ngừng của cuộc sống, xã hội phát triển và luôn đổi mới kéo theo một hiện thực ngấm ẩn sâu trong vỏ bọc đẹp đẽ của những con người yếu đuối, thiếu bản lĩnh không loại bỏ được cảm dỗ của bản thân, đó là sự nảy sinh mạnh mẽ của con vi rút kí sinh mang tên “ích kỉ”. Con vi rút độc hại ấy hiện hình khi người ta lột tẩy được thứ “thuốc độc chết người” trong thực phẩm ăn uống hàng ngày mà những kẻ vô nhân tính vì chút lợi lộc tầm thường mà không màng đến sức khỏe người mua. Con vi rút độc hại ấy hiện hình khi bạn nhìn thấy chính bản thân mình đang ghen tỵ, coi thường trước sự thành công của người khác. Rốt cục, sự ích kỉ có ở khắp mọi nơi và đang trở thành mối nguy hại lớn đẩy lùi sự văn minh của xã hội.

Ích kỉ là nguyên nhân của mọi tệ nạn, của sự hao mòn bản chất, tác động và làm tha hóa con người. Mỗi chúng ta ai cũng đã, đang và sẽ đối mặt với một cuộc đấu tranh tâm lý khi phải lựa chọn giữa một bên là lợi ích cá nhân, một bên là lợi ích tập thể. Và khi bạn quyết định bước vào con đường, nơi bạn thấy quyền lợi của mình được ưu tiên hàng đầu về vật chất lẫn tinh thần, phần “con” trong tâm thức sẽ trở trối dây điều khiển con người ta sa đọa vào hố sâu của cái ác, cái bất chính, cái bất lương. Ta sẽ đánh mất chính mình, có thể vì bản thân mà chà đạp lên thành quả chân chính của người khác, có thể bị con rắn “ghen tị” làm cho mờ con mắt, có thể trở thành kẻ trốn tránh trách nhiệm đầy khó khăn cho người ngoài.

Hơn thế, sự ích kỉ còn giết chết tình thương. Chúng ta không thể sống mà chỉ nhận giống như tình cảm, sự quan tâm mà người khác dành cho ta là lẽ đương nhiên. Cũng giống như một mối quan hệ không thể bền lâu nếu không có sự cố gắng của cả hai bên. Liệu rằng người ta có sẵn lòng giúp đỡ một kẻ không để tâm đến người khác bao giờ? Liệu rằng một kẻ ích kỉ, chỉ nghĩ cho bản thân có xứng đáng với những tấm lòng chân thành kia không? Suy cho cùng, đằng sau tất cả những cố gắng đẩy quyền lợi của bản thân lên trên hết chính là sự trả giá đau đớn nhất, ta sẽ mất đi những người mà chúng ta yêu thương, ta mất đi sự tin tưởng, sự tín nhiệm của tất cả mọi người, trở thành kẻ cô độc trước những tập thể đoàn kết và đau đớn hơn là đánh mất chính bản thân mình.

Ích kỉ không phải là một bản tính có sẵn. Nó là căn bệnh dễ dàng xâm nhập trong môi trường mà con người không có bản lĩnh, không có ý chí và sự lương thiện, nhanh chóng ăn sâu và bào mòn tinh thần con người. Vì vậy trước khi bước vào xã hội, mỗi chúng ta cần phải trang bị những kĩ năng, biết đâu là tốt, đâu là xấu để rồi có thể thực sự tự tin không bị lung lay bởi những lợi ích tầm thường của bản thân, thúc đẩy xã hội tốt đẹp hơn. Chúng ta đang sống trong một xã hội với đầy những hy vọng, nơi cô bé Hải An, không quan tâm đến sự lạnh lạnh thân xác mà sẵn lòng cho đi cặp giác mạc, trao đi ánh sáng cho người khác. Chúng ta đang sống trên mảnh đất mà những người anh hùng Việt Nam đã không màng đến mạng sống của bản thân mà đổ biết bao mồ hôi xương máu bảo vệ tổ quốc. Vậy mà hiện nay vẫn đang tồn tại những con người chưa thực sự thức tỉnh, những kẻ yếu đuối mang trong mình căn bệnh ích kỉ làm mất đi những giá trị cao đẹp. Tuy nhiên, mỗi chúng ta phải biết cân bằng, giữ cho mình một chút ích kỉ, đừng cho đi mù quáng nếu không sẽ bị lợi dụng bởi kẻ khác.

Hãy sống như mặt trời, ngày ngày chiếu rọi ánh sáng và hơi ấm cho muôn loài. Hãy sống như đóa hoa, sống hết mình trao hương sắc cho cuộc đời. Có như vậy con người ta mới có thể rũ bỏ được chất “con” trong tâm thức để tiến gần hơn tới con người.

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được ý kiến cá nhân về một vấn đề xã hội (một thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: Theo em, con người có thể thay đổi những thói hư, tật xấu để xã hội tốt đẹp hơn hay không? Nếu là em, em sẽ làm gì để thay đổi điều đó?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

Hoạt động 1: Xác định các thao tác cần thực hiện khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ Trước khi nói, em cần chuẩn bị những gì?</p> <p>+ Khi trình bày bài nói, em cần chú ý điều gì?</p> <p>+ Sau khi nói, người nói và người nghe có cần trao đổi lại không? Nếu có thì</p>	<p>1. Trước khi nói</p> <p>- Dựa vào kết quả đã thực hiện ở phần Viết, hãy lập một dàn ý ngắn gọn cho bài nói bao gồm các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận và thể hiện được các ý chính ở mỗi phần</p> <p>- Gạch dưới những ý em dự định sẽ nhấn mạnh trong bài nói.</p> <p>- Nếu nội dung bài nói tương tự những vấn đề đã đề cập trong các</p>

<p>trao đổi về những vấn đề nào?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>văn bản của phần Đọc (thói khoe khoang, sự thiếu chủ kiến, thói khoác lác, thói đạo đức giả,...), em có thể dựa vào đó để bổ sung bằng chứng.</p> <p>- Tìm kiếm các thông tin từ sách báo tranh ảnh phương tiện nghe nhìn (nếu có).... để minh họa vấn đề.</p> <p>2. Trình bày bài nói</p> <p>Về phía người nói:</p> <p>* Giới thiệu vấn đề (có thể đi thẳng vào vấn đề hoặc kể một tình huống dẫn tới vấn đề)</p> <p>- Lần lượt trình bày từng nội dung của vấn đề theo dàn ý đã chuẩn bị</p> <p>- Nêu ý kiến phê phán một cách đúng mực, có thể thêm chút hài hước. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.</p> <p><i>Về phía người nghe:</i></p> <p>- Lắng nghe theo dõi để nắm bắt ý kiến của người nói về vấn đề. Chú ý những chỗ người nói nhấn mạnh hoặc những từ khóa những thông tin được lặp lại nhiều lần trong bài nói</p> <p>- Ghi tóm tắt nội dung trình bày của người nói. Bản tóm tắt cần thể hiện đầy đủ, chính xác những nội dung</p>
--	--

chính trong bài nói. Các thông tin này cần ghi ngắn gọn, rõ ràng, được trình bày kết hợp với các kí hiệu tạo sơ đồ tóm tắt văn bản (gạch đầu dòng, gạch nóimũi tên,...). Ghi chú những thắc mắc hoặc những suy nghĩ riêng của mình vào bản tóm tắt nhằm chuẩn bị cho phần trao đổi

3. Sau khi nói

Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

- Vấn đề được nói tới có sát hợp với cuộc sống của con người trong xã hội hiện nay không?
- Ý nghĩa thiết thực của vấn đề được trình bày là gì?
- Nội dung và cách trình bày của người nói (thái độ, giọng nói, các phương tiện hỗ trợ, khả năng tương tác với người nghe,...) có thuyết phục không?
- Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn vấn đề hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?

--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói hư, tật xấu của con người trong xã hội hiện đại)
- b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành bài nói và nghe
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trình bày bài nói của mình trước lớp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày bài làm của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá, nhận xét phần trình bày của bạn bè
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát phiếu đánh giá nói và nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện điền đánh giá sau khi nghe xong phần trình bày của bạn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Củng cố, mở rộng*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Bảng đánh giá**

<i>Tiêu chí</i>		<i>Chưa tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Xuất sắc</i>
<i>Mở đầu</i>	<i>Có lời chào ban đầu và giới thiệu</i>			
	<i>Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)</i>			
<i>Nội dung chính</i>	<i>Vấn đề được nói tới có sát hợp với cuộc sống của con người trong xã hội hiện nay không?</i>			
	<i>Nêu được ý nghĩa thiết thực của vấn đề được trình bày</i>			
	<i>Thể hiện được ý kiến, quan điểm, lí lẽ cá nhân</i>			
	<i>Có dẫn chứng xác đáng, cụ thể</i>			
<i>Kết thúc</i>	<i>Khẳng định được vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Rút ra được bài học nhận thức, hành động</i>			
<i>Kỹ năng trình</i>	<i>Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp</i>			

bày	ứng yêu cầu bài nói			
	Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói			
	Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe			

TIẾT: ...CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh ôn tập kiến thức về một số yếu tố của thể loại hài kịch, truyện cười qua các văn bản đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Qua chủ đề Những câu chuyện hài, em hãy cho biết việc đọc nhwunxg tác phẩm hài kịch, truyện cười mang lại điều gì cho chúng ta?”

- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi

- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến các yếu tố đặc trưng của thể loại hài kịch, truyện cười

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại phần kiến thức đã học trong phần Tri thức ngữ văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ôn tập lại lí thuyết cho học sinh <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hải kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại.... - Tiếng cười trong truyện cười (trào phúng) phê bình thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề Những câu chuyện hài

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 120

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 120

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số vở kịch, truyện cười

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số vở kịch, truyện cười dân gian Việt Nam

c. Sản phẩm học tập: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ	6 điểm Trả lời tương đối đầy

	câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

*** Đáp án bài tập**

Câu hỏi 1. Nêu các thủ pháp trào phúng của thể loại hài kịch, truyện cười qua các văn bản đã học trong bài.

Trả lời: Châm biếm - mỉa mai, đả kích, hài hước.

Câu hỏi 2. Từ các văn bản đã học đó, em nhận thấy tiếng cười có sức mạnh như thế nào đối với đời sống con người?

Trả lời: Tiếng cười trong các văn bản đó mua vui cho người đọc đồng thời phê phán những thói hư, tật xấu của con người.

Câu hỏi 3. Tìm đọc một số vở hài kịch và truyện cười viết về những thói xấu của con người. Chọn trong số đó một tác phẩm em thích nhất và trả lời các câu hỏi sau:

a. Tác phẩm phê phán thói xấu nào?

b. Thủ pháp trào phúng là gì?

c. Chi tiết nào em thấy thú vị nhất?

Trả lời:

a. Tác phẩm Thầy bói xem voi phê phán:

- Cả năm thầy đều có cách xem phiến diện: sờ một bộ phận nhưng đã nói cả con voi.
- Các thầy đều không chịu lắng nghe ý kiến của nhau mà chỉ một mực theo ý kiến chủ quan của mình.

b. Thủ pháp trào phúng: Cách các thầy bói xem voi và phán về voi là: dùng tay để sờ vì mắt các thầy đều mù. Mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của voi, sờ được bộ phận nào thì phán hình thù con voi như thế. Thái độ của năm ông thầy bói khi phán về voi: Cả năm ông thầy bói đều phán sai về voi nhưng ai cũng một mực theo ý kiến chủ quan của mình và cho rằng ý kiến của người khác là sai.

c. Chi tiết thú vị nhất:

- + Thầy sờ vòi thì thấy sun sun như con đĩa
- + Thầy sờ ngà thì thấy chần chẫn như cái đòn càn
- + Thầy sờ chân thì thấy sừng sững như cái cột đình
- + Thầy sờ đuôi thì thấy tua tủa như cái chổi sể cùn
- + Thầy sờ tai thì thấy bè bè như cái quạt thóc.

Câu hỏi 4. "Cười là một hình thức chế ngự cái xấu." (Phương Lưu - Trần Đình Sử - Lê Ngọc Trà, Lí luận văn học, tập 1, NXB Giáo dục, 1986, tr. 241).

Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Trả lời:

Cái hài trong truyện cười dân gian được biểu hiện qua tiếng cười ở nhiều góc độ: cái cười đả kích, châm biếm, giễu cợt, cái cười vui, trên cơ sở phản ánh các hiện tượng xã hội đa dạng của đời sống con người, nhưng điểm nổi bật là tiếng cười có tính triết lý xã hội sâu sắc. Truyện cười dân gian là sản phẩm nghệ thuật của nhân dân lao động, ở đó, nhân dân đã dùng tiếng cười như một vũ khí của chính nghĩa, của đạo đức để lên án cái xấu, cái phi nghĩa, vô đạo đức. Cái cười tố cáo, quan lại, vua chúa tham lam, dâm ô, trụy lạc, buôn thần, bán thánh là tiếng cười trí tuệ, vượt xa cái cười giải trí. Nó phơi bày ung nhọt của xã hội, sự mục rỗng của xã hội. Tuy chưa đủ sức công phá trước thành trì của chế độ phong kiến nhưng tiếng cười này có ý nghĩa kéo nhanh hơn sự xuống dốc của chế độ phong kiến lỗi thời, góp phần mở đường cho sự

tiến bộ của xã hội tốt đẹp hơn. Ý nghĩa thẩm mỹ của cái hài trong truyện truyền thống là vạch trần cái xấu núp bóng cái đẹp để khẳng định cái đẹp, lấy cái đẹp làm tiêu chuẩn để nhận dạng cái xấu.

TIẾT...: THỰC HÀNH ĐỌC: GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được những đặc điểm của thể loại truyện cười
- HS nhận biết và phân tích được vấn đề bị đem ra phê phán
- Học sinh chỉ ra và phân tích được thủ pháp trào phúng của truyện

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về chủ đề của văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Có nhận thức đúng đắn về hành động, tránh những việc làm lố lỉnh, không chuẩn mực đạo đức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Giá không có ruồi*
- b. Nội dung:** GV cho học sinh điều phiếu KWL về những điều em biết – muốn biết – những điều đã học được về thể loại truyện cười
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát phiếu KWL
- GV yêu cầu HS điền phiếu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia điền phiếu KWL

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV thu phiếu

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm
- c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Aziz Nesin , đọc là Azit Nexin hay Azit Nêxin , (tên khai sinh là Mehmet Nusret ; 20 tháng

<p>tập</p> <p>- HS theo dõi văn bản</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>12 năm 1915 - 6 tháng 7 năm 1995)</p> <p>là một nhà văn châm biếm được ngưỡng mộ ở Thổ Nhĩ Kỳ và là tác giả của hơn 100 cuốn sách.</p> <p>2.Tác phẩm</p> <p>a/ Thể loại: Truyện cười</p> <p>b/ Tóm tắt:</p> <p>Câu chuyện kể về một anh chàng cứ trì hoãn công việc đổ lỗi cho hoàn cảnh diễn ra không thuận lợi và thu hút. Kể cả đến cuối cùng thì những con ruồi lại trở thành mối cản trở giấc mơ trở thành nhà văn của anh ta.</p>
---	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

b. Mục tiêu:

- HS xác định được những đặc điểm của thể loại truyện cười
- HS nhận biết và phân tích được vấn đề bị đem ra phê phán
- Học sinh chỉ ra và phân tích được thủ pháp trào phúng của truyện

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Nêu đặc điểm của truyện cười trong</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1.Đặc điểm của truyện cười trong văn bản</p> <p>- Truyện kể về một chàng trai viện có điều kiện không thuận lợi để trì hoãn ước mơ của mình.</p>

<p>văn bản</p> <p>+ Nêu vấn đề được đem ra phê phán</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.</p>	<p>- Điều nực cười rằng đến cuối cùng những con ruồi lại là thứ cản trở một “nhà văn xuất sắc”.</p> <p>- Tình huống truyện xoay quanh một anh chàng lên 10 tuổi đang trên con đường thực hiện ước mơ.</p> <p>- Nhà văn đã dẫn dắt người đọc thấy được những câu chuyện đời thường đôi khi lại vô lí, buồn cười đến lạ.</p> <p>2. Vấn đề đem ra phê phán</p> <p>Nhà văn Azit Nexin đã xây dựng cốt truyện giản dị nhưng đầy xung đột của nội tâm nhân vật. Với biện pháp thủ thuật tài tình trong từng câu chữ, ông đã cho chúng ta thấy được hiện thực về tính cách rụt rè, e ngại trước khó khăn đáng lên án. Ta có thể thấy, ông gửi gắm sự bất mãn trong tác phẩm nhưng lại khiến trong lòng người đọc lại một hy vọng rằng một ngày khi loài ruồi bị tiêu diệt thì có thể thưởng thức được một tác phẩm vĩ đại bởi chỉ ít cậu ta cũng đã hành động để có được những điều kiện lí tưởng cho cuộc sống.</p> <p>3.Thủ pháp trào phúng trong truyện</p> <p>- Tác giả xây dựng nhân vật một con người chục năm rồi không thực hiện được việc học nghiêm túc mà còn mơ</p>
---	--

	<p>trở thành một tiểu thuyết gia, thật tò mò muốn xem cậu ta thay đổi như thế nào để thực hiện hoài bão của mình.</p> <p>- Cao trào khiến ta không khỏi bật cười là cậu ta lúc này lại đổ lỗi cho một loài côn trùng vô chi, vô giác, chính là loài ruồi: “Ruồi nhiều quá! Ruồi không còn làm ăn gì được nữa!...Ôi, giá mà không có ruồi!”</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Sử dụng thủ pháp trào phúng cùng lối viết sáng tạo</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Phê phán những người không có ý chí, dễ nản lòng trước khó khăn và luôn tìm lí do bao biện cho bản thân.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Giá không có ruồi*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy về lời nói, hành động của nhân vật trong truyện theo thời gian

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về nhân vật trong truyện

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về nhân vật trong truyện

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn khoảng 10 – 12 dòng nêu cảm nhận của bản thân về nhân vật trong truyện

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận

	Sai lỗi chính tả	Không có lỗi chính tả	Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT: ...ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận biết được một số bài thơ trào phúng viết theo thể thất ngôn bát cú, tứ tuyệt Đường luật, một số hài kịch và truyện cười

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Ngoài hài kịch, truyện cười có sử dụng thủ pháp trào phúng, em còn biết thể loại nào cũng có sử dụng thủ pháp trào phúng không?”
- GV gọi HS trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến các thể loại thơ, truyện, hài kịch sử dụng thủ pháp trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tìm kiếm thông tin về thể loại trào phúng - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ôn tập lại lý thuyết cho học sinh <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức. 	<p>Trào phúng là một loại đặc biệt của sáng tác văn học và đồng thời cũng là một nguyên tắc phản ánh nghệ thuật trong đó các yếu tố của tiếng cười mỉa mai, châm biếm, phóng đại, khoa trương, hài hước,... được sử dụng để chế nhạo, chỉ trích, tố cáo, phản kháng... những cái tiêu cực, xấu xa, lỗi thời, độc ác trong xã hội.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề Những câu chuyện hài

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 123

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 123

1. Tìm đọc một số bài thơ trào phúng viết theo thể thất ngôn bát cú, từ tuyệt Đường luật; một số hài kịch và truyện cười. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin đáng chú ý về nội dung và hình thức nghệ thuật của các văn bản mà em đã đọc.

2. Trao đổi với các bạn về

- Chủ đề, các yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ từ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) và nghệ thuật trào phúng của tác giả.

- Chủ đề và các yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng được sử dụng trong văn bản.

- Chủ đề và các yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ của văn bản đã đọc.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học trao đổi với bạn bè về những kiến thức đã học ở chủ đề 5

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trao đổi với bạn bè về những kiến thức đã học ở chủ đề 5

c. Sản phẩm học tập: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC